

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường
Dự án Khu du lịch nghỉ dưỡng, chăm sóc sức khỏe và dân cư
khu vực suối nước nóng Hội Vân**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Xét Văn bản số 150/STNMT-CCBVMT ngày 18/01/2023 của Sở Tài nguyên và Môi trường về việc thông báo kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường (ĐTM) dự án Khu du lịch nghỉ dưỡng, chăm sóc sức khỏe và dân cư khu vực suối nước nóng Hội Vân của Công ty TNHH Onsen Hội Vân;

Xét nội dung Báo cáo ĐTM dự án Khu du lịch nghỉ dưỡng, chăm sóc sức khỏe và dân cư khu vực suối nước nóng Hội Vân đã được chỉnh sửa, bổ sung gửi kèm văn bản số 34/2023/CV-OSHV ngày 08/02/2023 của Công ty TNHH Onsen Hội Vân;

Theo đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 148/TTr-STNMT ngày 22/02/2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án Khu du lịch nghỉ dưỡng, chăm sóc sức khỏe và dân cư khu vực suối nước nóng Hội Vân (sau đây gọi là Dự án) của Công ty TNHH Onsen Hội Vân (sau đây gọi là Chủ dự án) thực hiện tại xã Cát Hiệp và xã Cát Trinh, huyện Phù Cát, tỉnh Bình Định với các nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện quy định tại Điều 37 Luật Bảo vệ môi trường và Điều 27 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Bộ Tài nguyên và Môi trường (đề b/c);
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- Chủ dự án;
- UBND huyện Phù Cát;
- UBND xã Cát Hiệp;
- UBND xã Cát Trinh;
- CVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, K10.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Tuấn Thanh

Phụ lục
CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN
KHU DU LỊCH NGHỈ DƯỠNG, CHĂM SÓC SỨC KHỎE VÀ DÂN CƯ
KHU VỰC SUỐI NƯỚC NÓNG HỘI VÂN

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2023 của UBND tỉnh)

1. Thông tin về dự án

1.1. Thông tin chung

- Tên Dự án: Khu du lịch nghỉ dưỡng, chăm sóc sức khỏe và dân cư khu vực suối nước nóng Hội Vân.

- Địa điểm thực hiện: xã Cát Hiệp và xã Cát Trinh, huyện Phù Cát, tỉnh Bình Định.

- Chủ đầu tư: Công ty TNHH Onsen Hội Vân.

- Địa chỉ liên hệ: thôn Hội Vân, xã Cát hiệp, huyện Phù Cát.

1.2. Phạm vi, quy mô.

- Quy mô diện tích: 17,756 ha.

- Quy mô Khách sạn và khu dịch vụ: lượng khách tối đa của Dự án là 500 khách/ngày, nhân viên phục vụ khoảng 246 người.

- Quy mô dân cư của Dự án: khoảng 1.500 người.

- Quy mô trường mầm non của Dự án: 75 người.

- Cơ cấu sử dụng đất như sau:

STT	Các chức năng	Diện tích	Tỷ lệ
		(m ²)	(%)
A	Đất chăm sóc sức khỏe phục hồi chức năng	68.714	38,7
1	Đất xây dựng chăm sóc sức khỏe	21.644	
2	Đất xây dựng khu khách sạn nghỉ dưỡng	29.060	
3	Đất công trình đầu mối HTKT	5.956,96	
4	Bãi đỗ xe	12.052,6	
B	Đất xây dựng khu dân cư	108.848,7	61,3
I	Đất xây dựng khu biệt thự	72.318,9	40,73
1	Đất xây dựng biệt thự	44.631	
2	Đất cây xanh, mặt nước	4.695,96	
3	Đất hạ tầng kỹ thuật	418,98	
4	Đất giao thông	22.573	
II	Đất xây dựng khu nhà ở liên kế	36.529,8	20,57
1	Đất ở xây dựng nhà ở liên kế	17.578	
2	Đất trường mầm non	1.427,74	
3	Đất cây xanh, mặt nước	3.794,12	
4	Đất hạ tầng kỹ thuật	873,01	
5	Bãi đỗ xe	1.415,72	
6	Đất giao thông	11.432,21	
Tổng cộng		177.562,3	100

1.3. Các hạng mục công trình của Dự án

1.3.1. Các hạng mục công trình chính:

Tổng diện tích xây dựng các công trình chính là 114.349,74 m² chiếm tỷ lệ 64,4% diện tích Dự án, phù hợp với quy định tại Quyết định số 3199/QĐ-UBND ngày 03/10/2022 về việc phê duyệt Đề án Điều chỉnh Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Khu du lịch nghỉ dưỡng, chăm sóc sức khỏe và dân cư khu vực suối nước nóng Hội Vân, xã Cát Hiệp, huyện Phù Cát, cụ thể như sau:

- Một (01) trung tâm chăm sóc sức khỏe, cao 2 tầng với 60 buồng phòng có diện tích sử dụng đất 21.644,07 m².

- Một (01) khách sạn nghỉ dưỡng với 120 phòng nghỉ, cao 5 tầng có bố trí 1 nhà hàng có quầy bar, phòng hội nghị, hội thảo, phòng họp có tổng diện tích sử dụng đất 29.060 m².

- Một (01) khu nhà ở liền kề với 143 căn, cao tối đa 3 tầng có tổng diện tích sử dụng đất 17.587,4 m².

- Một (01) khu biệt thự song lập với 156 căn biệt thự, cao tối đa 3 tầng trên tổng diện tích sử dụng đất 25.895,26 m².

- Một (01) khu biệt thự đơn lập với 72 căn biệt thự, cao tối đa 3 tầng có tổng diện tích sử dụng đất 18.736,14 m².

- Một (01) Trường mầm non với quy mô 75 người, cao tối đa 3 tầng có tổng diện tích sử dụng đất 1.427,74 m².

1.3.2. Các hạng mục công trình phụ trợ

- Hệ thống đường giao thông.

- Hệ thống cấp điện, chiếu sáng.

- Hệ thống cấp nước sinh hoạt: khai thác nước ngầm với số lượng giếng khoan là 10 giếng, chiều sâu mỗi giếng là 100m, lưu lượng khai thác tối đa của 1 giếng là 70 m³/ngày.

- Hệ thống thông tin liên lạc.

- Không có hoạt động khai thác và sử dụng nước khoáng nóng.

1.3.3. Các hạng mục công trình xử lý chất thải và bảo vệ môi trường

- Hệ thống thu gom nước thải riêng biệt với hệ thống thu gom thoát nước mưa.

- Một (01) hệ thống xử lý nước thải có công suất 120 m³/ngày đêm, thu gom và xử lý nước thải từ tiểu khu 1 và tiểu khu 2 phía Bắc đường Lê Hoàn. Nước thải sau xử lý đạt QCVN 14:2008/BTNMT, cột A.

- Một (01) hệ thống xử lý nước thải có công suất 220 m³/ngày đêm, thu gom và xử lý nước thải từ tiểu khu 1 và tiểu khu 2 phía Nam đường Lê Hoàn. Nước thải sau xử lý đạt QCVN 14:2008/BTNMT, cột A.

- Một (01) Nhà tập kết chất thải rắn của khu chăm sóc sức khỏe phục hồi

chức năng và khu khách sạn nghỉ dưỡng có diện tích khoảng 30 m². Đối với khu nhà liên kế, biệt thự không có khu vực tập kết rác thải hoặc phương tiện, dụng cụ thu gom.

- Cây xanh với tổng diện tích 5.381,91 m² chiếm 3,03% diện tích Dự án.

1.3.4. Các hạng mục, hoạt động sau không thuộc phạm vi báo cáo đánh giá tác động môi trường

- Hoạt động khai thác vật liệu san nền (đất đắp).- Hoạt động khai thác và sử dụng nước khoáng nóng.

- Hoạt động đền bù, giải phóng mặt bằng do Chủ dự án cấp kinh phí và phối hợp với chính quyền địa phương thực hiện theo đúng quy định pháp luật.

1.4. Các yếu tố nhạy cảm về môi trường

Dự án có yêu cầu chuyển đổi mục đích sử dụng đất trồng lúa với diện tích khoảng 0,85 ha.

2. Hạng mục công trình và hoạt động của dự án có khả năng tác động xấu đến môi trường

- Trong giai đoạn thi công phát sinh: bụi, khí thải, tiếng ồn, độ rung từ máy móc, phương tiện thi công; chất thải xây dựng, chất thải rắn sinh hoạt; nước thải sinh hoạt; nước mưa chảy tràn; tác động đến suối nước nóng của khu vực Dự án.

- Trong giai đoạn vận hành phát sinh: bụi, khí thải từ hoạt động giao thông, khu lưu giữ rác thải, từ hệ thống xử lý nước thải; chất thải rắn sinh hoạt, chất thải nguy hại; nước thải, bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải.

3. Dự báo các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh theo các giai đoạn của Dự án

3.1. Nước thải, khí thải

3.1.1. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của nước thải

a) Giai đoạn thi công, xây dựng

- Nước thải sinh hoạt của công nhân phát sinh với lưu lượng khoảng 5,4 m³/ngày. Thành phần chủ yếu là các chất cặn bã, các chất lơ lửng (SS), các hợp chất hữu cơ (BOD₅) và các chất dinh dưỡng (N, P), vi sinh,...

- Nước thải xây dựng từ quá trình vệ sinh máy móc, thiết bị thi công phát sinh với lưu lượng khoảng 2,0 m³/ngày. Thành phần chủ yếu là cặn lơ lửng, đất, cát,...

- Nước mưa chảy tràn lẫn bùn, đất trên công trường thi công. Thành phần chủ yếu là đất, cát, chất rắn lơ lửng,...

b) Giai đoạn vận hành

- Nước thải sinh hoạt phát sinh từ các hoạt động sinh hoạt của khách du lịch, cán bộ nhân viên, dân cư, trường mầm non,... với tổng lưu lượng khoảng 290 m³/ngày đêm. Thành phần chủ yếu là các chất cặn bã, các chất lơ lửng (SS),

các hợp chất hữu cơ (BOD_5) và các chất dinh dưỡng (N, P), vi sinh,...

3.1.2. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của bụi, khí thải

a) Giai đoạn thi công, xây dựng

Bụi từ quá trình đào đắp, san gạt mặt bằng; quá trình vận chuyển nguyên vật liệu, đất đắp; quá trình thi công xây dựng; khí thải từ máy móc, thiết bị thi công. Thành phần chủ yếu là bụi, CO_x , NO_x , SO_2 , H_2S , VOC,...

b) Giai đoạn vận hành

- Bụi, khí thải từ các phương tiện tham gia giao thông. Thành phần chủ yếu là NO_2 , C_xH_y , CO, CO_2 , VOC,...

- Mùi hôi từ khu vực tập kết rác, hệ thống xử lý nước thải. Thành phần chủ yếu là NH_3 , H_2S , CH_4 ,...

3.2. Chất thải rắn, chất thải nguy hại

3.2.1. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của chất thải rắn thông thường

a) Giai đoạn thi công, xây dựng

- Chất thải rắn từ quá trình phát quang đất nông nghiệp phát sinh với khối lượng khoảng 4,25 tấn. Thành phần chủ yếu là thực bì,...

- Chất thải rắn từ hoạt động giải phóng mặt bằng phát sinh với khối lượng khoảng 344,5 tấn. Thành phần chủ yếu là thân cây, lá,...

- Chất thải rắn từ quá trình phá dỡ các công trình hiện hữu khoảng 500 m^3 . Thành phần chủ yếu là xà bần, sắt, thép.

- Chất thải rắn từ hoạt động thi công các hạng mục công trình phát sinh với khối lượng khoảng 53,2 - 88,7 kg/ngày. Thành phần chủ yếu là bao bì đựng xi măng, xà bần, ni lông,...

- Đất bóc phong hóa hữu cơ phạm vi nền đường phát sinh với khối lượng khoảng 32.823 m^3 . Thành phần chủ yếu là đất, cát.

- Chất thải rắn sinh hoạt từ hoạt động sinh hoạt của công nhân phát sinh với khối lượng khoảng 102,7 kg/ngày. Thành phần chủ yếu là thức ăn thừa, bao bì ni lông, vỏ trái cây,...

b) Giai đoạn vận hành:

- Chất thải rắn sinh hoạt của khách du lịch phát sinh khoảng 342,5 kg/ngày. Thành phần chủ yếu là thức ăn thừa, bao bì ni lông, vỏ trái cây,...

- Chất thải rắn thông thường phát sinh từ khu chăm sóc sức khỏe khoảng 40 kg/ngày. Thành phần chủ yếu là thảo mộc ngâm thải bỏ, lá ngải cứu, cỏ thảo dược, ống tre,...

- Chất thải rắn sinh hoạt của khu dân cư phát sinh khoảng 1.027,4 kg/ngày. Thành phần chủ yếu là thức ăn thừa, bao bì ni lông, vỏ trái cây,...

3.2.2. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của chất thải nguy hại

a) Giai đoạn thi công, xây dựng

Hoạt động bảo dưỡng, sửa chữa, thay dầu của các phương tiện thi công phát sinh chất thải nguy hại với khối lượng khoảng 182 kg/năm. Thành phần chủ yếu là bóng đèn huỳnh quang thải, các loại dầu mỡ thải, dầu động cơ, hộp số,...

b) Giai đoạn vận hành

Trong quá trình hoạt động của khu du lịch phát sinh chất thải nguy hại với khối lượng khoảng 110 kg/năm. Thành phần chủ yếu là bóng đèn huỳnh quang thải, các loại dầu mỡ thải, pin, ắc quy chì thải, các linh kiện điện tử thải, thuốc diệt trừ các loài cây hại thải,...

3.3. Tiếng ồn, độ rung

Hoạt động của các phương tiện vận chuyển nguyên vật liệu, đất đắp; các máy móc, thiết bị thi công như máy đào, máy đầm, máy ủi; hoạt động san lấp mặt bằng, đường giao thông phát sinh tiếng ồn, ảnh hưởng đến công nhân, người dân sinh sống lân cận khu vực dự án và dọc theo tuyến đường vận chuyển.

3.4. Các tác động khác

- Hoạt động thi công các hạng mục công trình và hoạt động của các phương tiện vận chuyển nguyên vật liệu, đất đắp ảnh hưởng đến người dân sinh sống lân cận khu vực dự án và dọc theo tuyến đường vận chuyển.

- Hoạt động chuyển đổi mục đích sử dụng đất lúa tác động đến sinh kế của người dân.

- Hoạt động tập trung đông công nhân có khả năng làm mất an ninh, trật tự xã hội khu vực dự án.

- Hoạt động khai thác nước dưới đất có khả năng gây sụt lún nền đất, suy giảm lưu lượng, chất lượng nước ngầm.

4. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của Dự án

4.1. Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý nước thải, khí thải

4.1.1. Đối với thu gom và xử lý nước thải, nước mưa chảy tràn

a) Giai đoạn thi công, xây dựng

- Thu gom và xử lý nước thải sinh hoạt của công nhân bằng các nhà vệ sinh di động có dung tích 400 lít; hợp đồng với đơn vị có chức năng định kỳ thu gom, xử lý.

- Nước mưa chảy tràn lẫn bùn, đất: tạo các mương thoát nước mưa tạm thời để dẫn dòng đảm bảo thoát nước nhanh, không gây ngập úng cục bộ.

- Nước thải xây dựng: được thu gom tái sử dụng cho quá trình xây dựng, phần dư được thu gom lắng chặn trước khi thải ra môi trường.

b) Giai đoạn hoạt động

- Nước mưa chảy tràn: hệ thống thu gom, thoát nước mưa của dự án được thiết kế tự chảy và thoát nước riêng với hệ thống thu gom, thoát nước thải, cụ thể:

+ Đối với tiểu khu 1 và tiểu khu 2 phía Bắc đường Lê Hoàn: bố trí các công ngầm BTCT D400mm, D600mm, D800mm, D1000mm, D1200mm dọc các tuyến đường nội bộ để thu gom toàn bộ nước mưa chảy tràn, sau đó thoát ra cửa xả 1 tại phía Tây Nam tiểu khu 1 phía Bắc đường Lê Hoàn.

+ Đối với tiểu khu 1 và tiểu khu 2 phía Nam đường Lê Hoàn: bố trí các công ngầm BTCT D400, D600, D800, D1000, D1200 dọc các tuyến đường nội bộ để thu gom toàn bộ nước mưa chảy tràn, sau đó thoát cửa xả 2 tại phía Nam tiểu khu 1 phía Nam đường Lê Hoàn.

- Nước thải sinh hoạt:

+ Toàn bộ nước thải phát sinh trong giai đoạn vận hành của Dự án được thu gom về 02 hệ thống xử lý nước thải có tổng công suất 340 m³/ngày đêm (Trong đó: hệ thống xử lý nước thải số 1 tại phía Tây tiểu khu 1 phía Bắc đường Lê Hoàn có công suất 120 m³/ngày.đêm; hệ thống xử lý nước thải số 2 tại phía Nam tiểu khu 1 phía Nam đường Lê Hoàn có công suất 220 m³/ngày.đêm) để xử lý đạt QCVN 14:2008/BTNMT, cột A, sau đó thoát ra suối Hội Vân, cụ thể:

+ Hai hệ thống xử lý nước thải được thiết kế cùng công nghệ như sau:

Nước thải → Bể thu gom/tách rác → Bể tách dầu mỡ → Bể điều hòa → Bể sinh học thiếu khí → Bể sinh học hiếu khí MBBR → Bể lắng → Bể trung gian → Bể khử trùng → Bồn lọc áp lực, cột than hoạt tính → Bể chứa nước sau xử lý → Suối Hội Vân hiện trạng phía Tây Dự án.

+ Hệ thống xử lý nước thải được xây dựng kín, có hệ thống khử mùi, khoảng cách an toàn môi trường tối thiểu là 10 m (đối với hệ thống xử lý nước thải số 1) và 15 m (đối với hệ thống xử lý nước thải số 2) đảm bảo theo QCVN 01:2021/BXD.

4.1.2. Đối với bụi, khí thải

a) Giai đoạn thi công, xây dựng

- Các xe vận chuyển đất đắp, nguyên vật liệu được phủ bạt, thùng xe kín, không để rơi vãi.

- Thường xuyên thu dọn đất, cát, vật liệu rơi vãi tại khu vực thi công.

- Che chắn các bãi tập kết vật liệu, bố trí ở cuối hướng gió và hạn chế chiều cao lưu chứa dưới 2 m.

- Lập hàng rào bằng tôn cao 2 m đối với với Khu dân cư hiện hữu phía Đông Tiểu khu 2, phía Bắc đường Lê Hoàn.

- Phun nước tưới đường thường xuyên trên công trường xây dựng với tần suất 2 lần/ngày.

- Trang bị đầy đủ bảo hộ lao động cho công nhân.

b) Giai đoạn vận hành

- Bố trí đảm bảo diện tích cây xanh khoảng 5.381,91 m² theo quy hoạch được phê duyệt.

- Tại khu vực tập kết tạm rác thải, các thùng chứa rác thải sẽ được vệ sinh và phun khử mùi định kỳ hàng ngày.

- Các hố ga được thiết kế có nắp đậy kín bên trên và được nạo vét thu gom bùn, bảo trì các thiết bị.

- Đảm bảo khoảng cách an toàn môi trường của trạm xử lý nước thải tối thiểu 15 m. Hành lang cây xanh cách ly trạm xử lý nước thải đảm bảo tối thiểu là 10 m.

4.2. Các công trình và biện pháp quản lý chất thải rắn, chất thải nguy hại

4.2.1. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn thông thường

a) Giai đoạn thi công

- Đất bóc phong hóa hữu cơ được tận dụng đổ tại diện tích cây xanh tại khu vực dự án.

- Chất thải rắn từ hoạt động phát quang cây trồng lâu năm được người dân tận dụng thân, cành, rễ làm nhiên liệu đốt. Phần còn lại không thể tái sử dụng được thu gom, xử lý theo quy định.

- Chất thải rắn từ hoạt động phát quang đất nông nghiệp được thu gom, xử lý theo đúng quy định.

- Chất thải rắn từ quá trình phá dỡ các công trình hiện hữu được tận dụng san nền.

- Bố trí các thùng thu gom rác sinh hoạt có nắp đậy kín tại lán trại, khu nghỉ ngơi, ăn uống của công nhân.

- Hợp đồng với đơn vị chức năng thu gom vận chuyển, xử lý chất thải rắn thông thường theo quy định.

b) Giai đoạn hoạt động

- Đối với khu chăm sóc sức khỏe phục hồi chức năng và khu khách sạn nghỉ dưỡng: bố trí khu vực tập kết chất thải thông thường có diện tích khoảng 30 m² tại khu đất hạ tầng kỹ thuật phía Đông Bắc tiểu khu 2 phía Bắc đường Lê Hoàn. Hợp đồng với đơn vị chức năng thu gom, xử lý hàng ngày. Ký hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý toàn bộ rác thải sinh hoạt hàng ngày theo đúng quy định.

- Đối với khu dân cư: bố trí thùng rác có thể tích 240 lít dọc các tuyến đường nội bộ. Ký hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý toàn bộ rác thải sinh hoạt hàng ngày theo đúng quy định.

- Bùn phát sinh từ hệ thống xử lý nước thải được hút định kỳ và ký hợp đồng với đơn vị có đủ chức năng thu gom vận chuyển, xử lý theo đúng quy định.

4.2.2. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại

a) Giai đoạn thi công, xây dựng

- Bố trí các thùng chứa chất thải nguy hại tại khu vực lán trại, có dán nhãn nhận biết theo quy định.

- Quản lý chất thải nguy hại theo đúng quy định hiện hành.

b) Giai đoạn hoạt động

- Thu gom các loại chất thải nguy hại lưu chứa trong các thùng có dung tích 240 lít, có dán nhãn cảnh báo và mã chất thải nguy hại theo đúng quy định.

- Ký hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý CTNH theo đúng quy định và định kỳ báo cáo về cơ quan chức năng.

- Yêu cầu về bảo vệ môi trường: đáp ứng quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

- Thu gom về nhà tập kết chất thải tại khu đất hạ tầng kỹ thuật phía Đông Bắc tiểu khu 2 phía Bắc đường Lê Hoàn với diện tích khu vực lưu chứa khoảng 5 m². Hợp đồng với đơn vị chức năng đến thu gom và xử lý theo quy định với tần suất 1 năm/lần.

4.3. Các công trình và biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn, độ rung

- Thường xuyên bảo dưỡng và sửa chữa kịp thời máy móc, thiết bị hư hỏng. Không sử dụng đồng thời nhiều thiết bị phát sinh tiếng ồn lớn.

- Giảm tần suất hoạt động của các thiết bị, phương tiện vận tải vào các giờ nghỉ trưa và ban đêm. Không hoạt động các thiết bị gây tiếng ồn lớn vào thời gian từ 18h00 - 06h00 sáng ngày hôm sau.

4.4. Các biện pháp bảo vệ môi trường khác

- Xây dựng phương án tổ chức thi công, phân tuyến, phân luồng giao thông trong quá trình thi công.

- Lắp đặt biển cảnh báo, biển chỉ dẫn và thông báo về hoạt động thi công của dự án để người tham gia giao thông và người dân xung quanh được biết.

4.5. Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường

4.5.1. Phòng ngừa, giảm thiểu và ứng phó sự cố cháy, nổ

Lập phương án chữa cháy, các biện pháp phòng cháy, chữa cháy; lắp đặt biển báo cấm lửa tại các khu vực dễ gây ra cháy nổ. Thông báo cho cơ quan chức năng và chính quyền địa phương để có biện pháp phối hợp xử lý kịp thời trong trường hợp xảy ra sự cố.

4.5.2. Công trình, biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố tai nạn lao động

Xây dựng nội quy làm việc tại công trường đặc biệt là biện pháp bảo đảm an toàn thi công trong mùa mưa lũ; tuân thủ tuyệt đối các nội quy về an toàn lao động và thường xuyên kiểm tra công tác bảo hộ lao động tại công trường.

4.5.3. Biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố ngập úng

- Thi công hoàn thành các hạng mục san nền trước mùa mưa; thường

xuyên kiểm tra, khơi thông các dòng chảy, thông tắc các cống rãnh thoát nước xung quanh công trường thi công đảm bảo không để gây ngập úng.

- Xây dựng kiên cố các tường chắn đất để tránh sạt lở với chiều dày 0,2 m; 0,25 m; 0,3 m; 0,35 m.

4.5.4. Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố hệ thống xử lý nước thải

Thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng hệ thống thu gom và xử lý nước thải để phòng ngừa phát sinh sự cố của hệ thống.

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của Chủ dự án

5.1. Giai đoạn thi công, xây dựng

a) Giám sát môi trường không khí xung quanh

- Vị trí giám sát:

+ Khu vực tiếp giáp khu dân cư phía Đông tiểu khu 2 phía Bắc đường Lê Hoàn (KK1), tọa độ: 1.550.159; 584.832.

+ Khu vực tiếp giáp khu dân cư dọc đường Lê Hoàn (KK2), tọa độ: 1.550.153; 584.791.

- Thông số giám sát: bụi, tiếng ồn, CO, NO₂, SO₂.

- Tần suất giám sát: 6 tháng/lần.

- Quy chuẩn áp dụng: QCVN 26:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 05:2013/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh.

b) Giám sát môi trường nước mặt

- Vị trí giám sát:

+ Tại suối Hội Vân, khu vực dưới chân cầu Trần (NM1), tọa độ: 1.550.205; 584.485.

+ Tại suối Hội Vân, khu vực phía Nam dự án (NM2), tọa độ: 1.549.562; 584.718.

- Thông số giám sát: pH, BOD₅, TSS, NH₄⁺, PO₄³⁻, tổng dầu mỡ khoáng, Coliforms.

- Tần suất giám sát: 06 tháng/lần.

- Quy chuẩn áp dụng: QCVN 08-MT:2015/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt.

5.2. Giai đoạn vận hành thử nghiệm

Tuân thủ quy định của Nghị định số 08/2022/NĐ- CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và quy định quản lý hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường.

5.3. Giai đoạn vận hành

- Thường xuyên theo dõi, giám sát thành phần, số lượng của chất thải rắn sinh hoạt và chất thải nguy hại phát sinh.

- Quản lý chất thải rắn, chất thải nguy hại theo các quy định hiện hành tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và các quy định về quản lý chất thải rắn, chất thải nguy hại có hiệu lực tại thời điểm giám sát.

6. Các yêu cầu khác có liên quan đến môi trường

- Tuân thủ các tiêu chuẩn, quy chuẩn, quy phạm kỹ thuật và các quy định của pháp luật hiện hành trong quá trình thẩm định, phê duyệt thiết kế và thi công xây dựng các hạng mục công trình của Dự án.

- Áp dụng các biện pháp kỹ thuật, quản lý và tổ chức thi công phù hợp, đảm bảo không làm hư hỏng hệ thống đường giao thông khu vực và hạn chế tối đa các tác động bất lợi đến cảnh quan, môi trường, chất lượng nước, hoạt động giao thông và các hoạt động kinh tế dân sinh khác trên khu vực thực hiện Dự án.

- Giám sát, thực hiện, bảo đảm toàn bộ nước thải sinh hoạt phát sinh trong quá trình thực hiện Dự án được thu gom, xử lý theo quy định của pháp luật hiện hành, không thải nước thải chưa qua xử lý đạt yêu cầu ra môi trường; đảm bảo đáp ứng các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định tại Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 và các văn bản có liên quan; xây dựng hệ thống thu gom, xử lý nước thải thi công xây dựng trước khi thực hiện các hoạt động thi công xây dựng, đảm bảo toàn bộ nước thải phát sinh trong quá trình thi công xây dựng Dự án được thu gom, xử lý đáp ứng các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định tại Nghị định số 80/2014/NĐ-CP ngày 06/8/2014 của Chính phủ về thoát nước và xử lý nước thải, Luật Bảo vệ môi trường và các văn bản có liên quan.

- Thực hiện các biện pháp giảm thiểu tác động của bụi, khí thải, tiếng ồn, độ rung phát sinh bởi Dự án, đảm bảo môi trường xung quanh khu vực Dự án trong các giai đoạn của Dự án luôn đáp ứng tiêu chuẩn tại QCVN 05:2013/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh; QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn; QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung và các quy chuẩn hiện hành khác về bảo vệ môi trường trong quá trình thi công Dự án.